

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày 11 – 6 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Văn Công Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm và bà Đặng Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Thị L; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1985 tại tỉnh Cao Bằng; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Lương Thị T; bị cáo có chồng là Nông Văn B, sinh năm: 1987 và 01 con sinh năm 2004, hiện trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; có mặt.

Địa chỉ: C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị hại:

Chị Nông Thị S; sinh năm: 1993; trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:

Ông Tạ Ngọc V; Luật sư thuộc Văn phòng L2, đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: H Hồ N, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nông Thị P; sinh năm: 1995; trú tại: Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Anh Nông Văn B; sinh năm: 1987; trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Cháu Nông Văn H; sinh năm: 2004; trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người phiên dịch tiếng Nùng cho bị cáo và các đương sự:

Ông Triệu Quang H1 - Viên chức trường Cao Đẳng Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị L và Nông Thị T1 (tên gọi khác C1) có quan hệ bà con với nhau và thường xuyên liên lạc qua phần mềm W kể từ khi T1 lấy chồng và sinh sống ở Trung Quốc. Khoảng đầu năm 2018, T1 liên lạc với L nói có một người đàn ông Trung Quốc muốn lấy vợ người Việt Nam và hỏi L có quen biết ai thì giới thiệu cho T1. L nói biết một người phụ nữ tên Nông Thị S ở gần nhà, S đã có chồng con tuy nhiên vợ chồng S thường xảy ra mâu thuẫn với nhau, L sẽ gặp S hỏi về việc này rồi thông báo lại cho T1 biết. Sau đó, L gặp S và nói cuộc sống gia đình giữa S và chồng hay xảy ra mâu thuẫn, thường bị chồng đánh đập như vậy thì S hãy bỏ chồng rồi L sẽ giới thiệu cho S lấy chồng người Trung Quốc thì S đồng ý và nói sẽ đưa con gái tên Tô Thị L1, sinh năm 2017 đi cùng. Sau đó L liên lạc báo với T1 về việc S đồng ý lấy chồng Trung Quốc và sẽ đưa con gái đi cùng, T1 nói với L vậy đưa S cùng con gái ra bến xe tỉnh Cao Bằng rồi T1 sẽ chờ đón ở đó, chi phí vé xe, ăn uống T1 sẽ thanh toán cho L, ngoài ra sẽ cho L thêm một số tiền thì L đồng ý. Lúc này S đang ở nhà bố mẹ tại tỉnh Đắk Nông, L nói S đón xe đi đến huyện E và L sẽ chờ đón ở đó. Sau khi đón được S và con gái thì L đưa mẹ con S về ngủ tại nhà mẹ ruột L là Lương Thị T2 (sinh năm 1959 trú tại thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Đến sáng hôm sau mẹ và các em ruột của L tên là Hoàng Văn T3, Hoàng Văn M, Hoàng Thị H2, đã cùng L và mẹ con S đón xe đến tỉnh Cao Bằng.

Tại bến xe tỉnh C, mẹ và ba người em của L có gặp T1 nói chuyện một lúc rồi đón xe đến nhà người quen để dự đám cưới tại huyện B, tỉnh Cao Bằng còn L ở lại và giới thiệu S cho T1. L nói với T1 chi phí tiền xe, ăn uống hết 3.500.000 đồng, thì T1 đưa cho L số tiền 8.000.000 đồng trả 3.500.000 đồng tiền chi phí đi lại và nói L đi mua đồ cho S và con gái với số tiền 1.000.000 đồng, còn lại 3.500.000 đồng là tiền công của L. Sau đó, T1 đón xe ô tô đưa L lên cùng mẹ con S đến nhà của T1 tại Trung Quốc, khi xe đi đến một khu vực có hàng rào ngăn cách (Lên không biết rõ địa chỉ ở đâu) thì mọi người xuống xe đi bộ một đoạn thì có một xe ô tô chờ sẵn. Tất cả mọi người tiếp tục lên xe ô tô đi khoảng gần 01 giờ đồng hồ đến nhà của T1 tại Trung Quốc. Tại đây, L cùng mẹ con S ở tại nhà của T1 02 ngày, mọi chi phí sinh hoạt đều do T1 chi trả. Đến tối ngày thứ 2, có 05 người Trung Quốc đến nhà T1, T1 giới thiệu với L, S trong đó có người đàn ông tên C2 sẽ lấy S làm vợ và những người còn lại là cha, mẹ, chị, em của C2. Sau đó, T1 nói với L, S cùng đi đến nhà C2, tại đây L nghe mọi người nói chuyện với T1 (vì không biết tiếng Trung Quốc nên L không biết họ nói chuyện về nội dung gì). Một lúc sau thì T1 đưa L về lại nhà T1, nói người đàn ông tên C2 sẽ lấy S làm vợ và S sẽ sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Sáng ngày hôm sau, T1 đưa cho L một khoản tiền Trung Quốc (L không biết rõ mệnh giá tiền bao nhiêu) T1 nói với L số tiền trên tương ứng với 10.000.000đ tiền Việt Nam và nói đây là tiền công T1 trả cho L vì L đưa S ra cho T1 để đưa qua làm vợ người Trung Quốc. Sau đó, T1 đón xe đi cùng L đến khu vực có rào chắn rồi L cùng T1 đi về lại phía Việt Nam, sau đó T1 đổi giúp L số tiền trên thành tiền Việt Nam tại 01 quán nước (L không nhớ rõ tên, địa chỉ của quán) rồi L đón xe về lại tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 26/9/2023, chị Nông Thị S và con gái được giải cứu về Việt Nam.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như diễn biến của cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản cáo trạng số 65/CT – VKSĐL – P2 ngày 26/4/2024. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “Mua bán người”
- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/9/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nông Văn B (chồng bị cáo Hoàng Thị L) đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho chị Nông Thị S. Chị S không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Thị L nên không xem xét, giải quyết.

Đề nghị HĐXX truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.500.000 đồng mà bị can Hoàng Thị L phạm tội mà có.

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo trình bày: Việc VKSND tỉnh Đắk Lắk truy tố và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa bị cáo ra xét xử về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 đồng và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm sớm có cơ hội hoà nhập với cộng đồng.

Về bồi thường: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 đồng và được người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị HĐXX công nhận.

Về số tiền truy thu: Tại phiên tòa bị cáo khai số tiền 10.000.000 đồng là do C1 (Nông Thị T1) gửi cho mẹ của Nông Thị S, bị cáo đã đưa cho mẹ Nông Thị S nên đề nghị HĐXX xem xét lại số tiền truy thu.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không bào chữa, tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường danh dự, nhân phẩm của con người, vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng đầu năm 2018, Hoàng Thị L đã giới thiệu chị Nông Thị S cho Nông Thị T1 để T1 đưa chị S sang Trung Quốc kết hôn với người đàn ông tên C2. Sau đó, T1 đã trả công cho L số tiền 13.500.000 đồng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội Mua bán người và Điều 151 về tội Mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” với tình tiết định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

*** Điều 150 Bộ luật Hình sự quy định:**

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để chuyển giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

...

d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của N;”

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, đồng thời lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người bị hại nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật, đồng thời giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 đồng và được người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, dễ bị kẻ xấu lợi dụng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Đối với hành vi đồng phạm của Nông Thị T1, hiện nay T1 đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện không xác định được nơi cư trú. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã số 663/QĐTN-CSHS, ngày 28 tháng 3 năm 2024. Đồng thời ra Quyết định tách vụ án hình sự số 820/QĐ-CSHS ngày 16 tháng 4 năm 2024 để tiếp tục điều tra, xác minh là phù hợp, đúng quy định.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nông Văn B và cháu Nông Văn H (chồng và con của bị cáo Hoàng Thị L) đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho chị Nông Thị S. Chị S không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Bị cáo và người bào chữa của bị cáo cho rằng số tiền 10.000.000 đồng mà Nông Thị T1 (tức C1) đưa cho L là tiền mà C1 nhờ L đưa cho mẹ của chị S và sau khi về Đắk Lắk, L đã đưa số tiền này cho mẹ của chị S. Thực tế bị cáo chỉ thu lợi bất chính số tiền 3.500.000 đồng nên đề nghị HĐXX xem xét lại.

Xét thấy, tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 02/10/2023 và ngày 07/11/2023 (BL 41 và BL 44), bị cáo trình bày: ... “C1 đưa cho tôi một khoản tiền là tiền Trung Quốc, C1 nói với tôi số tiền trên tương ứng với 10.000.000 đồng tiền Việt Nam và nói đây là tiền công C1 trả cho tôi về việc tôi đưa S ra cho C1 để đưa qua làm vợ người Trung Quốc...”

.....Khoảng 01 năm sau, C1 có về thăm gia đình tại thôn A, xã C, huyện E thì có gặp và đưa cho tôi số tiền 10.000.000đ và nói đây là số tiền S gửi về cho mẹ S, C1 nhờ tôi đưa cho mẹ S....”

Do đó, có căn cứ xác định khoản tiền 10.000.000 đồng mà C1 đưa cho bị cáo trước khi bị cáo về Đắk Lắk là tiền công của bị cáo. việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.500.000 đồng mà Hoàng Thị L phạm tội mà có là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “Mua bán người”.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 06 (Sáu) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/9/2023.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Hoàng Thị L số tiền 13.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

